

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2017/HNGĐ-ST

Ngày 26-12-2017

V/v tranh chấp “Ly hôn;  
tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Anh Thư**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai**.

2. Ông **Ngô Văn Mừng**.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tấn Kiệt**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Lộc** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn P** - Sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ liên lạc: Số 704, đường Đ, khóm 3, phường 1, TP Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

*- Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị D** - Sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Q, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn anh Lê Văn P trình bày: Anh và Nguyễn Thị D cưới nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, hôn nhân do hai người tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp tính tình nên thường hay cãi nhau. Vợ tự ý về nhà cha mẹ ruột sống khoảng tháng 6/2013 và vợ chồng không con chung sống từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy, tình cảm không còn anh yêu cầu ly hôn với Nguyễn Thị D. Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 22/4/2010 (hiện đang sống cùng chị D). Khi ly hôn anh đồng ý để vợ được tiếp tục nuôi con chung, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có. Tại phiên tòa anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Nguyễn Thị D được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị D vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

### **• Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:**

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án: Anh Lê Văn P kết hôn với chị Nguyễn Thị D vào ngày 26/3/2009, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp thường cự cãi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2013 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Phong yêu cầu ly hôn với chị D, chị D không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh P yêu cầu xin ly hôn với chị D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T – Sinh ngày 22/4/2010. Hiện cháu T đang sống với chị D, khi ly hôn, anh P đồng ý để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi cháu T trưởng thành. Tuy không ghi nhận được nguyện vọng của cháu T những xét thấy, từ khi vợ chồng ly thân thì cháu T sống và theo chị D đi làm ăn cho đến nay, thỉnh thoảng 01, 02 tháng mới về địa phương nhưng cháu T vẫn phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống cho cháu T nghĩ nên để chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh P.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56,81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng: [1] Anh Lê Văn P xin ly hôn chị Nguyễn Thị D, chị D có nơi cư trú tại ấp Q, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D là có căn cứ.

- Về pháp luật nội dung: [3] Anh Lê Văn P xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Anh P và chị D có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo anh P trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng thường hay phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp tính tình nên vợ chồng thường hay cãi nhau, vợ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 3/2016 đến nay. Theo biên bản xác minh ngày 16/11/2017 tại địa phương thấy rằng khi chị D kết hôn thì về sống bên chồng tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, sau đó chị D về địa phương sinh sống nguyên nhân do vợ chồng mâu thuẫn. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý về việc anh P xin ly hôn và triệu tập tham gia phiên họp, hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng chị D vẫn không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị D đã diễn ra trong thời gian dài nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp tính tình nên thường hay cãi nhau điều này thể hiện tình cảm vợ chồng giữa anh P và chị D đã mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ con chung: Hội đồng xét xử xét thấy, anh P và chị D có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T - Sinh ngày 22/4/2010 (cháu T hiện đang sống cùng chị D). Khi ly hôn anh P đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như có yêu cầu chị D dẫn theo cháu T để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của cháu muốn sống chung với ai khi anh chị ly hôn, nhưng chị D không đến và không có ý kiến phản bác đối với yêu

cầu của anh P. Ngày 16/11/2017 Tòa án có đến ấp Q, xã A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nơi chị D thường trú để ghi nhận ý kiến của cháu T nhưng chị D và cháu T không có mặt tại nhà nên không thể ghi nhận được ý kiến của cháu. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, từ khi anh P và chị D không còn sống chung với nhau, con chung do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên tâm tư tình cảm gắn với người nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Xét thấy, sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử xét nên chấp nhận.

[6] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[7] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[8] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Áp dụng:** Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn P đối với chị Nguyễn Thị D.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Lê Văn P được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

- **Về quan hệ con chung:** Chị Nguyễn Thị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Thanh T - Sinh ngày 22/4/2010 (cháu T đang sống cùng chị D).

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Lê Văn P đối với cháu Lê Thị Thanh T mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên và có khả năng lao động.

Chị Nguyễn Thị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lê Văn P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Không có.

- **Về quan hệ nợ chung:** Không có. Ghi nhận anh Lê Văn P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh Lê Văn P và chị Nguyễn Thị D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- **Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Anh Lê Văn P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng là 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0014231 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 09 tháng 8 năm 2017. Anh P còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**

